

**PHỤ LỤC DANH MỤC CÁC TUYẾN KÊNH, MUƠNG, ĐẬP GIA CỒ, NẠO VẾT
SỬ DỤNG KINH PHÍ HỖ TRỢ SỬ DỤNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI NĂM 2025
ĐƠN VỊ: XÃ BA TÔ**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-PKT, ngày /12/2025 của Phòng Kinh tế xã Ba Tô)

TT	Nội dung Chi	Tổng dự toán		Số lượng tham gia dự kiến (Người)	Khối lượng (dự kiến)	Đơn giá (đồng)
		Khối lượng	Kinh phí			
	Tổng chi phí (I+II+III)		272.160.000			
I	Chi sửa chữa, nạo vét thường xuyên					
1	Chi nạo vét đập, kênh, vụ Đông Xuân năm 2025-2026 cho các thôn		130.000.000			
1	Vả Lễ		9.200.000	46	L = 700m	200000đ/người/ngày
2	Gòì Lễ		9.200.000	46	L = 600 m	200000đ/người/ngày
3	Đồng Lâu		9.200.000	46	L = 600 m	200000đ/người/ngày
4	Làng Tốt		9.200.000	46	L = 500 m	200000đ/người/ngày
5	Làng Vờ		9.200.000	46	L = 500 m	200000đ/người/ngày
6	Làng Dút		9.200.000	46	L= 650 m	200000đ/người/ngày
7	Xà Râu		9.200.000	46	L= 650 m	200000đ/người/ngày
8	Làng Xi 1		9.200.000	46	L= 550 m	200000đ/người/ngày
9	Làng Xi 2		9.400.000	47	L= 650 m	200000đ/người/ngày
10	Mô Lang		9.200.000	46	L= 650 m	200000đ/người/ngày
11	Trà Nô		9.200.000	46	L= 700 m	200000đ/người/ngày
12	Mang Lùng 1		9.600.000	48	L= 800 m	200000đ/người/ngày
13	Mang Lùng 2		9.600.000	48	L= 650 m	200000đ/người/ngày
14	Làng Mạ		9.400.000	47	L= 550 m	200000đ/người/ngày
2	Chi mua Ro đá		139.160.000	490		
1	Thôn Làng Xi 2		22.720.000	80	L= 40 m	284.000 đồng
2	Thôn Làng Mạ		25.560.000	90	L= 50 m	284.000 đồng
3	Thôn Mang Lùng 1		28.400.000	100	L= 50 m	284.000 đồng
4	Thôn Mang Lùng 2		34.080.000	120	L= 50 m	284.000 đồng
5	Thôn Trà Nô		28.400.000	100	L= 50 m	284.000 đồng

3	Chi mua bạc lót (<i>m2</i>)		3.000.000			
	Chi mua bạc lót cho các đập bồi		3.000.000	200 m2		15.000 đồng

ĐVT: Đồng

Ghi chú

[illegible]

